



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 58

Ngày 15 tháng 7 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 21-6-2016- | Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 4 |
| 27-6-2016- | Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện. | 16 |
| 02-7-2016- | Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 30 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 07-6-2016- Quyết định số 2953/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020. 32
- 07-6-2016- Quyết định số 2954/QĐ-UBND về phê duyệt “Chương trình thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020”. 42
- 13-6-2016- Quyết định số 3024/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. 51
- 13-6-2016- Quyết định số 3025/QĐ-UBND về việc Công bố định mức dự toán công tác Bảo dưỡng, duy trì một số lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 57
- 23-6-2016- Quyết định số 3202/QĐ-UBND về việc đặt tên “Phú Hữu” cho công trình cầu đường bộ trên đường Vành đai phía Đông Thành phố bắc qua sông Rạch Chiếc, Quận 9. 59

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

- 29-6-2016- Quyết định số 1067/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 1. 61

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

30-6-2016- Quyết định số 1712/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 63

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

21-6-2016- Quyết định số 4081/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 65

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu
các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 12111/TTr-SLĐTBXH ngày 23 tháng 5 năm 2016 và của Sở Tư pháp tại Công văn số 3138/STP-VB ngày 18 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 35/2006/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch Liên đoàn Lao động Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan, người sử dụng lao động và người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp giải quyết bước đầu các cuộc đình công
không đúng quy định pháp luật lao động
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của việc ban hành Quy chế

Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động; đồng thời góp phần ổn định an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc phối hợp giải quyết bước đầu các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động ở các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế (gọi chung là doanh nghiệp) hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ chế phối hợp và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Sở - ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết bước đầu các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng điều chỉnh: Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Sở - ngành, người sử dụng lao động, người lao động, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến cuộc đình công xảy ra tại doanh nghiệp.

Chương II TỔ CHỨC XỬ LÝ

Điều 3. Thành lập Tổ công tác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm thành lập Tổ công

tác giải quyết bước đầu các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) xảy ra tại các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận, huyện quản lý.

2. Tổ công tác gồm các thành viên như sau:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện - Tổ trưởng;
- b) Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện - Thành viên;
- c) Chủ tịch Liên đoàn Lao động quận, huyện - Thành viên;
- d) Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp quận, huyện - Thành viên;
- đ) Trưởng Công an quận, huyện - Thành viên;
- e) Đại diện Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố và Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố (nếu doanh nghiệp đóng trong khu chế xuất, khu công nghiệp) - Thành viên;
- g) Đại diện Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Công đoàn Khu công nghệ cao Thành phố (nếu doanh nghiệp đóng trong khu công nghệ cao) - Thành viên;
- h) Hòa giải viên lao động quận, huyện - Thành viên;
- i) Đại diện Ban Dân vận Quận ủy, Huyện ủy - Thành viên;
- k) Đại diện Bảo hiểm xã hội quận, huyện - Thành viên;
- l) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn - Thành viên;
- m) Trưởng Công an phường, xã, thị trấn - Thành viên;
- n) Các thành viên khác là đại diện các đoàn thể, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Căn cứ tính chất và quy mô của cuộc đình công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đề nghị các Sở - ngành sau đây tham gia Tổ công tác:

- a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- b) Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- c) Sở Ngoại vụ;
- d) Liên đoàn Lao động Thành phố;
- đ) Công an Thành phố;
- e) Bảo hiểm xã hội Thành phố;

g) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

h) Các Sở - ngành, đơn vị khác có liên quan.

4. Các cơ quan là thành viên của Tổ công tác quy định tại Khoản 3 Điều này cử cán bộ, công chức có trách nhiệm, thẩm quyền tham gia Tổ công tác và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Nhiệm vụ của Tổ công tác

1. Ổn định tình hình an ninh, trật tự tại doanh nghiệp và địa bàn nơi doanh nghiệp hoạt động xảy ra tranh chấp lao động.

2. Hướng dẫn, giải thích và yêu cầu các bên tranh chấp lao động thực hiện đúng quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Ghi nhận các yêu cầu, kiến nghị, nguyện vọng của các bên tranh chấp lao động.

4. Khuyến nghị các phương án giải quyết để giúp các bên tranh chấp lao động tiến hành thương lượng, thỏa thuận trên tinh thần nhanh chóng ổn định sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động.

5. Trong quá trình giải quyết, nếu Tổ công tác phát hiện một trong các bên tranh chấp có hành vi vi phạm pháp luật thì Tổ công tác kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Tổ công tác báo cáo kết quả giải quyết với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng Trọng tài lao động Thành phố và các cơ quan có liên quan.

Điều 5. Quy trình xử lý

Tổ công tác thực hiện các bước để giải quyết các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động:

1. Nhanh chóng tiếp cận hiện trường xảy ra cuộc đình công không đúng pháp luật lao động.

2. Tiếp xúc với người sử dụng lao động hoặc người có thẩm quyền đại diện cho người sử dụng lao động.

3. Tiếp xúc với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp (nơi chưa thành lập Công đoàn cơ sở).

4. Đề nghị người sử dụng lao động và người lao động cung cấp hồ sơ và các thông tin có liên quan đến vụ việc.

5. Xác định nguyên nhân xảy ra tranh chấp lao động, yêu cầu, nguyện vọng của tập thể người lao động và ý kiến của người sử dụng lao động.

6. Khuyến nghị các phương án giải quyết tranh chấp lao động phù hợp với quy định pháp luật lao động và tình hình thực tế xảy ra tại doanh nghiệp.

7. Hướng dẫn, giải thích, vận động người lao động và người sử dụng lao động tiến hành thương lượng, thống nhất phương án giải quyết trên cơ sở thiện chí, tôn trọng quyền và lợi ích của mỗi bên.

a) Trường hợp các bên tự hòa giải thành hoặc chấp thuận phương án hòa giải, giải quyết tranh chấp lao động, Tổ công tác hướng dẫn các bên lập biên bản thỏa thuận. Các bên có trách nhiệm thực thi các thỏa thuận ghi trong biên bản.

b) Trường hợp các bên không tự thỏa thuận hoặc thương lượng không đạt kết quả, Tổ công tác hướng dẫn các bên tiến hành giải quyết tranh chấp lao động đúng trình tự quy định pháp luật lao động.

Điều 6. Nhiệm vụ của các thành viên Tổ công tác

1. Đối với các thành viên của quận, huyện:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Tổ công tác.

- Tổ chức tiếp xúc với người sử dụng lao động, đại diện tập thể người lao động để nắm chắc tình hình, tâm tư, nguyện vọng của các bên tranh chấp; chỉ đạo lực lượng để đảm bảo an ninh trật tự, hỗ trợ doanh nghiệp sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường.

- Chủ trì họp Tổ công tác để thảo luận, quyết định phương án xử lý các tình huống có thể xảy ra và các kịch bản ứng phó để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự tại doanh nghiệp và trên địa bàn quản lý. Xem xét các nội dung thông báo của doanh nghiệp trước khi thông báo rộng rãi đến người lao động.

- Trường hợp tranh chấp lao động về quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện giải quyết theo quy định tại Điều 205 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Trường hợp tranh chấp lao động về lợi ích, nếu xét thấy cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện theo quy định tại Điều 222 Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 35 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Báo cáo xin ý kiến Quận ủy, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, xử lý kịp thời khi phát sinh các tình huống phức tạp, vượt thẩm quyền.

- Có trách nhiệm trả lời cơ quan truyền thông về tình hình đình công đang xảy ra tại địa phương.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện:

- Hướng dẫn người lao động và người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định của pháp luật lao động;

- Phối hợp với Liên đoàn Lao động quận, huyện tuyên truyền, vận động người lao động, người sử dụng lao động thương lượng, thống nhất phương án giải quyết tranh chấp để nhanh chóng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, đảm bảo việc làm cho người lao động.

- Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện kiểm tra việc tổ chức và lãnh đạo đình công; báo cáo kết quả kiểm tra trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được chỉ đạo.

- Đối với trường hợp cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục thì trong thời hạn 12 giờ thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động quận, huyện hoặc Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Công đoàn Khu công nghệ cao nơi xảy ra cuộc đình công và các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp gặp gỡ người sử dụng lao động, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (nơi chưa thành lập Công đoàn cơ sở) để nghe ý kiến và hỗ trợ các bên giải quyết.

- Kịp thời tổng hợp, báo cáo tình hình cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Công an quận, huyện:

- Ổn định tình hình an ninh, trật tự nơi xảy ra đình công.

- Phối hợp với các thành viên của Tổ công tác vận động người lao động đình công trong ôn hòa, trật tự, không quá khích dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật.

d) Liên đoàn Lao động quận, huyện, Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Công đoàn Khu công nghệ cao:

- Thực hiện vai trò đại diện cho người lao động để đàm phán, thương lượng với người sử dụng lao động. Xác định yêu cầu, đòi hỏi của người lao động, tiến tới thành lập và làm Trưởng nhóm đàm phán trong trường hợp doanh nghiệp chưa có tổ chức Công đoàn cơ sở, chuẩn bị phương án đàm phán và tiến hành đàm phán.

- Khi đã đạt được thỏa thuận sơ bộ với người sử dụng lao động: họp với toàn thể người lao động hoặc đại biểu (nơi có số lượng người lao động lớn) để thông qua dự thảo thỏa thuận. Sau khi thông qua thỏa thuận đề nghị tất cả người lao động trở lại làm việc.

- Trường hợp thỏa thuận không thành hoặc người sử dụng lao động không thực hiện các thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 204 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Đối với trường hợp cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục, Liên đoàn Lao động quận, huyện, Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Công đoàn Khu công nghệ cao phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, nơi xảy ra cuộc đình công, các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp gặp gỡ người sử dụng lao động, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để nghe ý kiến và hỗ trợ các bên giải quyết.

đ) Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp quận, huyện:

Hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thương lượng, hòa giải với tập thể người lao động.

e) Hòa giải viên lao động của quận, huyện:

- Thực hiện chức năng trung gian hòa giải từ giai đoạn hỗ trợ trước khi xảy ra tranh chấp lao động tập thể, đình công; chủ động tham gia cùng Tổ công tác giải quyết tranh chấp lao động tập thể, đình công và tiếp tục theo dõi tình hình quan hệ lao động của doanh nghiệp sau tranh chấp, đình công.

- Thực hiện quy trình tác nghiệp hòa giải theo quy định tại Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hòa giải viên lao động

g) Các cơ quan, đơn vị khác tại địa phương:

Thực hiện theo chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Đối với các thành viên là Sở - ngành Thành phố:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Hỗ trợ Tổ công tác tiếp xúc với chủ doanh nghiệp và đại diện tập thể người lao động để xác định nguyên nhân xảy ra tranh chấp lao động.

- Hỗ trợ Tổ công tác trong việc đề xuất phương án giải quyết, nhanh chóng ổn định tình hình.

- Hỗ trợ Tổ công tác hướng dẫn người lao động và người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định của pháp luật lao động.

b) Liên đoàn Lao động Thành phố:

- Chi đạo Liên đoàn Lao động quận, huyện, Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Công đoàn Khu công nghệ cao làm việc với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và tiếp xúc với người lao động để tìm hiểu nguyên nhân xảy ra tranh chấp lao động, xác định loại tranh chấp lao động.

- Hỗ trợ Liên đoàn Lao động quận, huyện, Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Công đoàn Khu công nghệ cao đưa ra giải pháp đàm phán, thương lượng với người sử dụng lao động. Tuyên truyền, vận động người lao động tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

c) Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao:

- Phát hiện và thông báo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về các vụ tranh chấp lao động tập thể xảy ra tại các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao đóng trên địa bàn quận, huyện.

- Tham gia xem xét các hồ sơ có liên quan đến nội dung tranh chấp lao động.

- Tham gia, góp ý giải pháp hòa giải, giải quyết vụ tranh chấp.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo đảm an ninh, trật tự nơi xảy ra tranh chấp lao động thuộc quyền quản lý.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Cung cấp cho Tổ công tác các thông tin về tình hình, đặc điểm của doanh nghiệp đang xảy ra tranh chấp lao động.

- Tham gia, góp ý đưa ra giải pháp hòa giải, giải quyết tranh chấp lao động.

đ) Sở Ngoại vụ:

Trong trường hợp vụ việc phát sinh có liên quan đến doanh nghiệp và cá nhân người nước ngoài, trên cơ sở đề nghị của Tổ công tác, Sở Ngoại vụ là đầu mối liên hệ, trao đổi thông tin giữa cơ quan Việt Nam với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để đề nghị phối hợp, hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động liên quan đến tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

e) Công an Thành phố:

Chỉ đạo các lực lượng chức năng thuộc Công an Thành phố phối hợp với Công an quận, huyện thực hiện các giải pháp nghiệp vụ để bảo đảm an ninh, trật tự tại doanh nghiệp và địa bàn nơi doanh nghiệp đang hoạt động xảy ra đình công. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi kích động, cưỡng ép, đe dọa người lao động ngừng việc, đình công.

g) Bảo hiểm xã hội Thành phố:

- Kiểm tra việc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.
- Hỗ trợ Tổ công tác phương án giải quyết trong trường hợp doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội.

h) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Hỗ trợ Tổ công tác trong việc đề xuất phương án giải quyết tranh chấp, tham gia quá trình hòa giải tranh chấp lao động.

i) Hội đồng Trọng tài lao động Thành phố:

- Thực hiện chức năng trung gian hòa giải trong trường hợp tranh chấp lao động về lợi ích theo quy định của pháp luật lao động.
- Thực hiện quy trình hòa giải theo quy định tại Điều 206 Bộ luật Lao động năm 2012.

Điều 7. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Người sử dụng lao động hoặc đại diện người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ trung thực, khách quan; hợp tác với Tổ công tác tổ chức tiến hành thương lượng, hòa giải với tập thể người lao động.

2. Cùng với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, đại diện tập thể người lao động thực hiện những thỏa thuận hai bên đã đạt được trong quá trình thương lượng, hòa giải, giải quyết của Tổ công tác.

Điều 8. Trách nhiệm của người lao động

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự và an toàn công cộng.

2. Chấp hành sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

3. Tuân thủ pháp luật lao động, nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể của đơn vị.

4. Cung cấp các thông tin trung thực, khách quan, các tài liệu mà mình biết được; hợp tác với Tổ công tác tổ chức tiến hành thương lượng và tham gia thương lượng.

5. Thực hiện đầy đủ các cam kết mà hai bên thỏa thuận được.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch Liên đoàn Lao động Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm đảm bảo kinh phí, phương tiện phục vụ cho Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Chủ

tịch Liên đoàn Lao động Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1952/TTr-SNV ngày 09 tháng 6 năm 2016 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 3674/STP-TC ngày 25 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 2. Căn cứ Quy chế (mẫu) này, Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo xây dựng và quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của

Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ (MẪU)

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận - huyện...)

Chương I VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện (gọi tắt là Phòng Nội vụ quận - huyện) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phòng Nội vụ quận - huyện chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân quận - huyện, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ.

2. Chức năng:

Phòng Nội vụ quận - huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng; công tác thanh niên.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ quận - huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

3. Về tổ chức, bộ máy:

a) Trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Phòng Nội vụ quận - huyện theo quy định và theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trình cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

c) Thẩm định về nội dung đối với dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

d) Thẩm định đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của luật chuyên ngành;

e) Thẩm định việc thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật.

4. Về quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận - huyện để Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao biên chế công chức, giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp, báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện, phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện đôn đốc, theo dõi, thẩm định, tổng hợp việc xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận - huyện để trình Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định; giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện tổng hợp danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức của quận - huyện để trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định;

c) Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc sử dụng, quản lý vị trí việc làm và cơ cấu chức danh công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định, theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc tổ chức và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Hội đồng nhân dân quận - huyện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê chuẩn kết quả bầu cử, phê chuẩn việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn theo quy định;

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê chuẩn kết quả bầu cử, phê chuẩn việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện đề án liên quan đến việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính trong địa bàn để Ủy ban nhân dân quận - huyện trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các đề án, văn bản liên quan đến công tác địa giới hành chính, phân loại đơn vị hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc quản lý hồ sơ, bản đồ địa giới, mốc, địa giới hành chính của quận - huyện theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở phường - xã, thị trấn, ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, ở doanh nghiệp trên địa bàn và việc thực hiện công tác dân vận của chính quyền theo quy định;

i) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp, báo cáo về hoạt động của khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân trên địa bàn quận - huyện theo quy định; thực hiện việc bồi dưỡng công tác cho cấp trưởng, cấp phó của khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân theo quy định;

k) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trong việc xây dựng, thực hiện các văn bản, đề án liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới theo phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện và theo quy định của pháp luật.

7. Về cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý vị trí việc làm, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương, chế độ đãi ngộ và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Thực hiện công tác quản lý hồ sơ, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật, theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố và hướng dẫn của Sở Nội vụ;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức phường - xã, thị trấn; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn theo quy định.

8. Về cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức ở địa phương;

b) Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trên địa bàn quận - huyện;

c) Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức ở địa phương theo quy định;

d) Trình Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nội dung, công việc của cải cách hành chính, bao gồm: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính;

đ) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại tại các cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

e) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện và Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức theo chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Tham mưu, triển khai tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định về văn thư, lưu trữ của Nhà nước và của Thành phố đối với các cơ quan, tổ chức ở quận - huyện và phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện công tác báo cáo, thống kê về văn thư, lưu trữ theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức lựa chọn và thu thập tài liệu nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố của các cơ quan, tổ chức cấp huyện để giao nộp tài liệu vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố.

11. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên

địa bàn quận - huyện; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận - huyện;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn quận - huyện; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

12. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn quận - huyện;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết những vấn đề cụ thể về tôn giáo theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

13. Về công tác thanh niên:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thanh niên và công tác thanh niên;

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên theo quy định; giải quyết những vấn đề liên quan đến thanh niên, công tác thanh niên theo quy định và theo phân cấp;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các tổ chức khác của thanh niên trong việc thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện cơ chế, chính sách đối với thanh niên và công tác thanh niên theo quy định.

14. Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác nội vụ đối với các cơ quan, đơn vị ở quận - huyện và Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

15. Thực hiện việc kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm về công tác nội vụ trong địa bàn quận - huyện theo quy định. Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

16. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

17. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

18. Quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Phòng Nội vụ quận - huyện theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ quận - huyện theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

20. Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

Phòng Nội vụ có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện.

2. Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, luân chuyển, chuyển đổi công tác, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định theo quy định.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trong tổng biên chế công chức của quận - huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Phó Trưởng phòng khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Căn cứ vào chương trình công tác hàng năm, hàng tháng của Ủy ban nhân dân quận - huyện và yêu cầu giải quyết công việc, Trưởng phòng tổ chức họp toàn thể cán bộ, công chức một lần trong tháng.

Các cuộc họp bất thường trong tháng chỉ được tổ chức để giải quyết những công việc đột xuất, khẩn cấp.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Phòng Nội vụ quận - huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận - huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức quận - huyện ủy:

Phòng Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức quận - huyện ủy trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện quận - huyện ủy quản lý theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân quận - huyện (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức) đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức quận - huyện ủy để nắm được chủ trương của cấp ủy qua

từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận - huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận - huyện. Trong trường hợp Phòng Nội vụ quận - huyện chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Nội vụ quận - huyện tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận - huyện:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận - huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng phòng Phòng Nội vụ quận - huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng phòng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ sau khi được Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 8909/STC-ĐTSC ngày 20 tháng 11 năm 2015 về thẩm định phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phương thức thu, mức thu, thời gian thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020:

1. Phương thức thu: theo tỷ lệ % trên giá nước sạch.
2. Mức thu: 10% trên giá bán nước sạch, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
3. Thời gian thực hiện thu phí: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ quyết định số 90/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, Giám đốc các đơn vị cung cấp nước sạch và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2953/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển
công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ
Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ

khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 915/TTr-SKHHCN ngày 10 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 (*Chương trình đính kèm*).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực
khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2953/QĐ/UBND ngày 07 tháng 6 năm 2016 của
Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tăng đầu tư từ ngân sách thành phố cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm để tập trung nguồn lực đầu tư, phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là 04 ngành công

ngành chủ lực (*Cơ khí chế tạo; Điện tử - Công nghệ thông tin; Hóa chất - nhựa - cao su và Chế biến tinh lương thực, thực phẩm*), 09 ngành dịch vụ (*Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Thương mại; Du lịch; Vận tải, cảng và kho bãi; Bưu chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; Kinh doanh tài sản bất động sản; Tư vấn; Khoa học công nghệ, y tế; Giáo dục và đào tạo*), ngành công nghiệp hỗ trợ, 07 chương trình đột phá (*Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Cải cách hành chính; Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thành phố đáp ứng yêu cầu hội nhập; Giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông; Giảm ngập nước; Giảm ô nhiễm môi trường và Chính trang và phát triển đô thị*) và quản lý phát triển đô thị thành phố. Chú trọng đầu tư cho các sản phẩm khoa học và công nghệ ứng dụng trực tiếp vào sản xuất và đời sống xã hội, mang lại hiệu quả kinh tế cao và xuất phát từ đặt hàng của các doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm ươm tạo các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam trọng điểm của thành phố.

Thúc đẩy phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Đầu tư cho các tổ chức khoa học và công nghệ có ưu thế để hình thành các trung tâm nghiên cứu mạnh trong 04 ngành công nghiệp chủ lực theo mô hình tiên tiến của thế giới. Xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu năng lực quản lý cho đội ngũ khoa học và công nghệ của thành phố.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút mọi nguồn lực xã hội tham gia đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, thúc đẩy hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2020, mức chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 50% trong tổng mức chi cho khoa học và công nghệ hàng năm của Thành phố. Dành không dưới 70% kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ đầu tư cho các chương trình trọng điểm phục vụ cho 04 ngành công nghiệp trọng yếu, 09 ngành dịch vụ, ngành công nghiệp hỗ trợ và 07 chương trình đột phá của thành phố.

2.2. Tỷ lệ ứng dụng kết quả sau nghiệm thu của đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, phục vụ nhu cầu xã hội và phát triển tiềm

lực khoa học và công nghệ đạt 60%.

2.3. Xây dựng được 05 sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam trọng điểm của thành phố.

2.4. Xây dựng ít nhất 02 tổ chức khoa học và công nghệ có mô hình tiên tiến thế giới.

2.5. Hỗ trợ hình thành 300 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2.6. Có 500 doanh nghiệp thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

2.7. Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên sâu trong và ngoài nước cho:

- 100 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ ưu tiên cho 04 ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố.

- 60 cán bộ quản lý khoa học và công nghệ.

2.8. Đến năm 2020, xây dựng được mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hỗ trợ 04 ngành công nghiệp trọng yếu.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm và các định hướng nghiên cứu giai đoạn 2016-2020

1.1. Chương trình Cơ khí và Tự động hóa:

a) Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy, thiết bị:

- Phục vụ 04 ngành công nghiệp trọng yếu và 09 ngành dịch vụ;

- Thiết bị cơ giới hóa và tự động hóa cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi và trồng trọt;

- Thiết bị, công nghệ phục vụ thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm nông sản.

- Trang thiết bị phục vụ kiểm nghiệm, chẩn đoán, điều trị cho ngành y tế và an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Ứng dụng Robot cho sản xuất công nghiệp; thiết kế, chế tạo Robot thay thế ngoại nhập; thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển tự động các quá trình sản xuất.

c) Nghiên cứu phát triển công nghệ gia công, chế tạo các chi tiết cơ khí và khuôn mẫu cho ngành công nghiệp hỗ trợ.

d) Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, giải pháp nội địa hóa công nghệ chế tạo thiết bị, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ năng lượng.

1.2. Chương trình Điện- điện tử và Công nghệ thông tin:

Hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao :

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo vi mạch, các sản phẩm ứng dụng vi mạch.
- Công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng khai thác dữ liệu lớn (big data);
- Công nghệ, kỹ thuật ứng dụng điện toán đám mây.
- Công nghệ, kỹ thuật, sản phẩm ứng dụng di động, IOT, ứng dụng công nghệ thông tin địa lý (GIS), viễn thám và các công nghệ liên quan.
- Công nghệ, kỹ thuật, sản phẩm trong lĩnh vực an ninh thông tin.

1.3. Chương trình Hóa dược, Công nghệ thực phẩm và Công nghệ vật liệu:

a) Nghiên cứu quy trình công nghệ:

- Bào chế thuốc và thực phẩm chức năng từ nguyên liệu trong nước;
- Sản xuất, chế biến tinh lương thực - thực phẩm không sử dụng chất phụ gia;

b) Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu:

- Vật liệu cao su kỹ thuật, cao su tổng hợp chuyên dụng, polymer, vật liệu mới tiên tiến, ...;
- Các loại pin nhiên liệu (fuel cell), tích trữ năng lượng, sản xuất nhiên liệu sinh học thế hệ thứ 2 và thứ 3.

c) Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới.

1.4. Chương trình Công nghệ Sinh học:

a) Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới: công nghệ tế bào gốc, công nghệ gen, công nghệ nano, ...

b) Nghiên cứu kỹ thuật: tạo giống, nhân giống, bảo quản, chế biến, ... (trong lĩnh vực nông nghiệp); cấy mô, ghép tạng, ghép tủy, sinh học phân tử- di truyền, liệu pháp tế bào, chẩn đoán, ... (trong lĩnh vực y tế), ...

c) Nghiên cứu và sản xuất các loại kháng thể đơn dòng, vắc-xin thế hệ mới, kit chẩn đoán, dược sinh học, chế phẩm sinh học, ...

1.5. Chương trình Quản lý và Phát triển đô thị:

a) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp và mô hình nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành, cải cách hành chính.

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp, mô hình nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Thành phố.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp, mô hình nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu v.v. theo hướng phát triển đô thị thông minh, phát triển bền vững.

1.6. Các lĩnh vực khoa học và công nghệ khác:

a) Nghiên cứu công nghệ, kỹ thuật, phương pháp và quy trình trong lĩnh vực điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

b) Nghiên cứu về cơ chế, chính sách, giải pháp, mô hình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển đời sống văn hóa.

c) Nghiên cứu phát triển công nghệ, chính sách, giải pháp, mô hình thúc đẩy phát triển quốc phòng - an ninh của Thành phố.

d) Các lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản khác.

2. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ

2.1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của thành phố nhằm nâng cao năng lực quản lý, tổ chức triển khai và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Ưu tiên đầu tư kinh phí từ ngân sách cho các đề tài, dự án có sự cam kết đồng đầu tư; cho các đề tài, dự án có sự cam kết hợp tác thực hiện giữa đơn vị nghiên cứu với doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có ảnh hưởng đến một ngành, lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; cho các chương trình nghiên cứu ứng dụng có sản phẩm cụ thể và có tác động ảnh hưởng lớn.

2.2. Hoàn thiện và đổi mới quy trình tổ chức tuyển chọn, đánh giá đề tài, dự án.

2.3. Điều chỉnh, bổ sung bộ biểu mẫu áp dụng quy trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện đề tài, dự án.

2.4. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá làm cơ sở cho việc tuyển chọn các đề tài, dự án cần đầu tư và có tính phân loại cao nhằm xác định mức độ ưu tiên đầu tư kinh phí toàn phần hoặc một phần.

2.5. Xây dựng cơ chế thúc đẩy hình thành và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho hoạt động nghiên cứu triển khai.

3. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ

3.1. Xây dựng cơ chế hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; ưu tiên đầu tư các đề tài, dự án được thực hiện bởi các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc nhiều tổ chức nghiên cứu nhằm thúc đẩy hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.

3.2. Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở vật chất cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ có thế mạnh nhằm nâng cao năng lực và thúc đẩy các tổ chức khoa học và công nghệ phát triển theo mô hình tiên tiến thế giới.

3.3. Khảo sát, đánh giá nhu cầu xã hội và năng lực hoạt động nghiên cứu phát triển của các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp để lựa chọn đầu tư nhằm tạo ra một số sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam trọng điểm của thành phố.

3.4. Xây dựng cơ chế định giá, giao quyền, chuyển giao kết quả nghiên cứu để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3.5. Xây dựng cảm nang hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; đề xuất cơ chế đóng góp kinh phí của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ của thành phố; cơ chế đồng đầu tư (nhà nước 30% - doanh nghiệp 70%) để phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp.

3.6. Triển khai thực hiện thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực các phòng thí nghiệm trên địa bàn thành phố.

3.7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực của các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ.

3.8. Xây dựng cơ sở dữ liệu mạng lưới chuyên gia khoa học và công nghệ.

3.9. Xây dựng quy chế khai thác và chia sẻ lợi ích của các cơ sở khoa học và công nghệ có sự hỗ trợ đầu tư từ ngân sách thành phố.

4. Xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

5.1. Xây dựng mạng lưới liên kết, hợp tác giữa các phòng thí nghiệm trong nước và quốc tế.

5.2. Xây dựng mạng lưới hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

5.3. Xây dựng cổng thông tin kết nối các nhà trí thức trong và ngoài nước.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ

6.1. Phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các chính sách của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ.

6.2. Công khai hóa quy trình, thủ tục, biểu mẫu hướng dẫn đăng ký và tổ chức triển khai thực hiện đề tài, dự án và các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

6.3. Xây dựng cổng thông tin nhận đăng ký hồ sơ trực tuyến: thành lập tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; đăng ký hồ sơ thực hiện đề tài, dự án.

6.4. Xây dựng và hoàn thiện quy trình điện tử quản lý và giám sát tiến độ thực hiện đề tài, dự án.

6.5. Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về tiềm lực khoa học và công nghệ, quy trình truy xuất, cập nhật, chia sẻ thông tin, khai thác và sử dụng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm và dự toán ngân sách thực hiện, thông qua Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Xây dựng các chương trình, đề án, chính sách để tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

b) Triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; định kỳ hàng năm báo cáo cho Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời đề xuất, kiến nghị, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Sở Tài chính cân đối, bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động hỗ trợ để triển khai kế hoạch ở cấp Thành.

3. Các sở, ban, ngành Thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời kiến nghị, đề xuất các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại địa phương, đơn vị./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2954/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt “Chương trình thúc đẩy phát triển thị trường khoa học
và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách Thành phố và chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và

công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 969/TTr-SKHHCN ngày 17 tháng 5 năm 2016 về phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2954/QĐ-UBND

ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) của Thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Sàn giao dịch công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động vào năm 2018.

b) Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ trên thị trường Thành phố hàng năm bình quân tăng không dưới 15%, và không dưới 20% đối với một số lĩnh vực công nghệ cao được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.

c) Đến năm 2020, số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ đạt 70% với mức đầu tư chiếm 8% lợi nhuận trước thuế.

d) Số đơn đăng ký sở hữu công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt mức bình quân 22.000 đơn/năm; trong đó, số đơn đăng ký sáng chế đạt 400 đơn/năm.

đ) Đến năm 2020, hỗ trợ hình thành mới 100 tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (sàn giao dịch công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ...).

e) Đến năm 2020, đào tạo được 100 chuyên gia về thị trường khoa học và công nghệ (chuyên gia của các tổ chức trung gian, cán bộ - công chức quản lý có liên quan).

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Xây dựng, đưa Sàn giao dịch công nghệ Thành phố chính thức đi vào hoạt động từ năm 2018

Mục tiêu: Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết cho sàn giao dịch công nghệ, xây dựng và hệ thống hóa các cơ sở dữ liệu về hàng hóa, cung cấp thông tin chi tiết, kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy hoạt động giao dịch trên thị trường khoa học và công nghệ.

a) Nội dung thực hiện

- Đến quý IV năm 2016, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ban đầu của Sàn giao dịch công nghệ.

- Đến quý III năm 2017, hoàn thành cơ sở vật chất - kỹ thuật của Sàn giao dịch công nghệ, gồm:

+ Cơ sở pháp lý, quy chế tổ chức - hoạt động;

+ Bộ máy nhân sự: tiếp nhận, xử lý thông tin, hướng dẫn, giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến hoạt động thị trường khoa học và công nghệ;

+ Cơ chế tài chính;

+ Hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật;

+ Thiết lập hệ thống đại lý, môi giới, đối tác;

+ Hệ thống thông tin giao dịch;

+ Hệ thống các chuyên gia và tổ chức tư vấn.

- Đến cuối năm 2017, cung cấp cơ sở dữ liệu về các loại hàng hóa của thị trường khoa học và công nghệ, thông tin công bố sáng chế; cung cấp công cụ trực tuyến về đánh giá trình độ công nghệ, các báo cáo đánh giá xu hướng công nghệ, các mô hình chuyển giao công nghệ thành công.

- Đến năm 2019, hoàn tất thiết lập và kết nối Sàn giao dịch công nghệ điện tử của Thành phố với các địa phương và quốc gia, mở rộng quy mô thị trường khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

2. Hỗ trợ hình thành các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

Mục tiêu: hình thành các chủ thể hỗ trợ cho thị trường khoa học và công nghệ vận hành hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho kết nối cung - cầu công nghệ.

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng kế hoạch và cơ chế hỗ trợ của Thành phố để hình thành mới 100 tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (theo Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ): trung tâm giao dịch công nghệ; trung tâm xúc tiến chuyển giao công nghệ; trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ; trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Định kỳ 2 lần/năm, tổ chức khoá đào tạo và cấp chứng chỉ nhằm đáp ứng các điều kiện về nhân lực cho các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 06 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức đào tạo và xây dựng mạng lưới 100 chuyên gia của các Viện, Trường, quỹ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có kỹ năng về thương mại hoá công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, quản trị tài sản trí tuệ, tư vấn - môi giới công nghệ, đánh giá- định giá công nghệ, tư vấn đầu tư, quản trị doanh nghiệp, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp.

- Hỗ trợ hình thành các đơn vị quản lý và khai thác tài sản trí tuệ của các Trường, Viện trên địa bàn Thành phố.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các Sở, ban ngành và đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

3. Xúc tiến kết nối cung - cầu công nghệ

Mục tiêu: tăng môi liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu - phát triển, nhà đầu tư và doanh nghiệp, thúc đẩy tăng giá trị giao dịch hàng hóa của thị trường khoa học và công nghệ.

a) Nội dung thực hiện

- Thiết lập kênh thông tin thường xuyên thu thập, đánh giá nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, tập trung vào 4 ngành công nghiệp trọng yếu và 2 ngành truyền thống của Thành phố, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Định kỳ hằng quý, tổ chức một hoặc nhiều sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ như sau: Hội chợ công nghệ và thiết bị, trình diễn công nghệ, hội nghị chuyên gia kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ có tiềm năng thương mại hóa.

- Xây dựng Quy chế trao đổi chuyên gia giữa tổ chức nghiên cứu - phát triển với doanh nghiệp nhằm thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ trong sản xuất - kinh doanh.

- Xây dựng các quy định chuẩn hóa về sản phẩm hình thành từ quá trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm đưa vào thương mại hóa và giao dịch trên thị trường khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố, Hiệp hội ngành nghề và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

4. Thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ

Mục tiêu: tăng nguồn cung sản phẩm khoa học và công nghệ được bảo hộ pháp lý trên thị trường khoa học và công nghệ, hạn chế rủi ro cho các doanh nghiệp, Trường, Viện khi khai thác, thương mại hóa các sản phẩm này.

a) Nội dung thực hiện

- Định kỳ hàng quý, tổ chức tập huấn, hội thảo hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về thủ tục xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong hoạt động nghiên cứu phát triển và sản xuất kinh doanh trước khi công bố hoặc đưa vào thị trường khoa học và công nghệ.

- Từ năm 2016, các đề tài nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ được đầu tư từ nguồn ngân sách của Thành phố phải bảo đảm tạo ra được sáng chế mới và xúc tiến ít nhất một đơn đăng ký sáng chế hoặc giống cây trồng mới cho các kết quả nghiên cứu để chuẩn bị cho giai đoạn thương mại hóa.

- Ban hành quy định về cơ chế, chính sách để việc quản lý, khai thác tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố: xây dựng và thực hiện các thủ tục ghi nhận, quản lý, công bố, chuyển giao các tài sản trí tuệ phát sinh từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đầu tư từ nguồn ngân sách của Thành phố (có ít nhất 1.000 tài sản trí tuệ được đưa vào danh mục đến năm 2020).

- Đến năm 2017, điều chỉnh, bổ sung các quy định về điều kiện, quy trình chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ được đầu tư từ nguồn ngân sách của Thành phố cho các cơ quan chủ trì và các tổ chức, cá nhân khác; đảm bảo nguyên tắc phân chia và hài hòa lợi ích theo quy định pháp luật và tạo thuận lợi cho quá trình thương mại hóa các sản phẩm nói trên.

- Tiếp tục tổ chức Chương trình đào tạo quản trị viên tài sản trí tuệ hàng năm ở các cấp độ khác nhau, giúp các doanh nghiệp, Trường, Viện nâng cao năng lực quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trên thị trường khoa học và công nghệ; góp phần thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Thành phố giai đoạn 2011-2020.

- Đến năm 2020, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hình thành ít nhất 05 đơn vị cung ứng dịch vụ điều tra thị trường hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và chủ sở hữu quyền thu thập và cung cấp kịp thời thông tin, chứng cứ cho các cơ quan thực thi xử lý, góp phần bảo đảm độ an toàn cho các dòng tiền đầu tư vào các tài sản trí tuệ mới trên thị trường khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

5. Truyền thông, thống kê và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

Mục tiêu: nâng cao nhận thức, phổ biến thông tin trực tiếp và đa dạng về thị trường khoa học và công nghệ, đánh giá hiệu quả của Chương trình.

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch truyền thông về thị trường khoa học và công nghệ của Thành phố trên các phương tiện báo, đài truyền hình, đài phát thanh, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử của Thành phố; giúp các tổ chức, doanh nghiệp hiểu rõ các cơ chế chính sách và hiệu quả đạt được của Thành phố trong việc thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, bao gồm:

+ Tổ chức giao lưu đối thoại trên truyền hình giữa doanh nghiệp, nhà sáng chế, với sản giao dịch công nghệ, chuyên gia tư vấn, nhà đầu tư.

+ Lập trang mạng xã hội kết nối mọi thành phần trong xã hội quan tâm và tham gia vào thị trường khoa học và công nghệ.

+ Phối hợp cả báo hình và báo viết, xây dựng các chuyên mục, đối thoại và phóng sự khoa học và công nghệ.

+ Tổ chức các hội nghị hướng dẫn doanh nghiệp tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển của Thành phố như: Chương trình kích cầu, Chương trình kết nối ngân hàng và doanh nghiệp, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Chương trình hỗ trợ tiết kiệm năng lượng, Chương trình hỗ trợ áp dụng các công cụ quản lý, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, Chương trình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ, các chương trình trọng điểm về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ...

- Nghiên cứu thành lập Giải thưởng Đổi mới sáng tạo Thành phố nhằm vinh danh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Định kỳ hằng năm, tổ chức kiểm tra tiến độ, thống kê kết quả các hoạt động của Chương trình; báo cáo sơ kết đánh giá về tiến độ, hiệu quả thực hiện và sự phù hợp của mục tiêu để tham mưu đề xuất Thành phố điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Chương trình theo tình hình thực tế.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan thông tấn báo chí, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Cục Thống kê, các Sở, ban ngành và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chương trình, theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ 6 tháng và tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, phối hợp cùng các Sở Ngành, quận huyện liên quan cân đối, bố trí kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện Chương trình đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết về kinh phí để hỗ trợ thúc đẩy thực hiện Chương trình.

3. Các Sở- ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung thuộc về Chương trình.

4. Trong quá trình phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung Chương trình, nếu vướng mắc, khó khăn các đơn vị cần kịp thời phản ánh, kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo giải quyết./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1662/TTr-GDĐT-VP ngày 31 tháng 5 năm 2016 và Công văn số 3346/STP-KSTT ngày 23 tháng 5 năm 2016 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính mới
1	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	- Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ.

a. Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Người đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại các cơ quan, tổ chức đang lưu sổ gốc văn bản, chứng chỉ từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút) hoặc gửi yêu cầu qua đường bưu điện.

– **Bước 2:**

* Trường hợp yêu cầu trực tiếp tại cơ quan, tổ chức: Người được phân công tiếp nhận hồ sơ hoặc bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, tổ chức kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

* Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính: Người được phân công giải quyết kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì thực hiện các thủ tục theo quy định để chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ cho người yêu cầu.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì cơ quan, tổ chức đang lưu trữ sổ gốc có văn bản đề nghị người yêu cầu chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ bổ sung hồ sơ theo quy định hoặc hướng dẫn nộp hồ sơ đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, nếu nộp hồ sơ không đúng cơ quan có thẩm quyền.

– **Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc chỉnh sửa; Trường hợp không chỉnh sửa, Sở Giáo dục và Đào tạo phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

– **Bước 4:** Người yêu cầu chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ nhận kết quả tại cơ quan, tổ chức đã nộp hồ sơ hoặc qua bưu điện (nếu gửi yêu cầu qua bưu chính).

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan, tổ chức đang lưu sổ gốc văn bản, chứng chỉ hoặc gửi yêu cầu và nhận kết quả qua bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ;

+ Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa;

+ Quyết định cho phép thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính;

+ Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn;

+ Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ.

Ngoài đơn đề nghị chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ, các thành phần hồ sơ còn lại có thể là bản sao không có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính.

Nếu cơ quan, tổ chức đang lưu sổ gốc văn bằng, chứng chỉ tiếp nhận tài liệu trong hồ sơ là bản sao không có chứng thực thì có quyền yêu cầu người đề nghị chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ xuất trình bản chính để đối chiếu; người đối chiếu phải ký xác nhận và ghi rõ họ tên vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Nếu tiếp nhận tài liệu trong hồ sơ là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì cơ quan có thẩm quyền chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ bản sao là giả mạo thì có quyền xác minh.

– Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức đang quản lý văn bằng, chứng chỉ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chỉnh sửa hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

Người được cấp văn bằng, chứng chỉ có quyền yêu cầu chỉnh sửa nội dung ghi trên văn bằng, chứng chỉ trong trường hợp sau khi được cấp văn bằng, chứng chỉ, người học được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận việc thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký khai sinh quá hạn, đăng ký lại việc sinh theo quy định của pháp luật.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, có hiệu lực ngày 24/10/2015.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố định mức dự toán công tác Bảo dưỡng, duy trì một số lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 17/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2320/VP-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành các Bộ định mức dự toán đối với một số công tác bảo dưỡng, duy trì thuộc lĩnh vực công ích trên địa bàn Thành phố;

Theo đề nghị của Hội đồng xây dựng Định mức lao động kỹ thuật thành phố tại Công văn số 5565/HĐXDĐMLĐKT-LĐ ngày 15 tháng 3 năm 2016 và của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1942/TTr-SGTVT ngày 21 tháng 4 năm 2016 về Ban hành các Bộ định mức dự toán một số công việc Bảo dưỡng, duy trì trong lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố định mức dự toán công tác Bảo dưỡng, duy trì một số lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định này, bao gồm:

1. Bộ định mức dự toán công tác Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cầu đường bộ.

2. Bộ định mức dự toán Duy trì hệ thống chiếu sáng và đèn tín hiệu giao thông.
3. Bộ Định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị.
4. Bộ Định mức dự toán Duy trì hệ thống thoát nước đô thị.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các Sở ngành liên quan, trên cơ sở Bộ định mức dự toán được công bố tại Điều 1, xây dựng các Bộ đơn giá công tác Bảo dưỡng, duy trì trong lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016./.

**TUQ. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN**

Bùi Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3202/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đặt tên “Phú Hữu” cho công trình cầu đường bộ trên đường
Vành đai phía Đông Thành phố bắc qua sông Rạch Chiếc, Quận 9**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về đặt tên cho cầu bắc qua sông Rạch Chiếc trên đường Vành đai phía Đông Thành phố mang tên “Phú Hữu”;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 2756/TTr-SVHTT-DSVH ngày 07 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên “Phú Hữu” cho công trình cầu đường bộ trên đường Vành đai phía Đông Thành phố bắc qua sông Rạch Chiếc, Quận 9.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 9, theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên cho công trình cầu đường bộ nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1067/QĐ-UBND

*Quận 1, ngày 29 tháng 6 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân Quận 1.****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 63/TTr-TP ngày 24 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 1 vì không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1, Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 1; Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1712/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 30 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp Quận 4 tại Tờ trình số 175 /TTr-PTP ngày 27/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 14/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 4 và Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 4 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4, Trưởng phòng Tư pháp Quận 4, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15

phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4081/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 21 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận Gò Vấp tại Tờ trình số 695/TTr-PTP ngày 21 tháng 6 năm 2016 về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 03 văn bản của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp hết hiệu lực thi hành (*theo Danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gò Vấp, ngày 21 tháng 6 năm 2016

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ**
*(Kèm theo Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp
về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
01	Quyết định	03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011	Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng tại quận Gò Vấp.	15/01/2016	Hết hiệu lực do bị thay thế bởi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp
02	Quyết định	03/2012/QĐ-UBND ngày 07/05/2012	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.	15/01/2016	Hết hiệu lực do bị thay thế bởi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp
03	Quyết định	01/2014/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.	15/01/2016	Hết hiệu lực do bị thay thế bởi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng